

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-5-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hợp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trịnh Văn Điệp

Ông Trần Quốc

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Phan Việt Xô – Thư ký tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2020/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn B, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Kiều P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Bùi Văn B trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị P sống chung năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An vào năm 2004, hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Xét thấy cuộc sống chung không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn thường xuyên xảy ra và không hàn gắn được nên anh yêu cầu ly hôn với chị P.

Về con chung: Có ba người con chung cháu Bùi Thùy M, sinh ngày 19/6/2002, cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 17/4/2015, cháu Bùi Mỹ H, sinh ngày 09/01/2007, các cháu hiện đang sống cùng chị P. Anh đồng ý giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh xác định tự thỏa thuận với chị P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo biên bản hòa giải ngày 13/5/2020 và tại phiên tòa, bị đơn Lê Thị Kiều P trình bày:*

Về hôn nhân: Chị thống nhất với trình bày của anh B về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, hôn nhân là do chị tự nguyện lựa chọn không ép buộc, hiện tại vợ chồng chị đã ly thân nhau. Chị không đồng ý ly hôn với anh B. Chị cho rằng hiện chị vẫn còn yêu thương chồng, mâu thuẫn không lớn, chị yêu cầu được hàn gắn để cùng nhau chăm sóc các con.

Về con chung: Có ba người con chung cháu Bùi Thùy M, sinh ngày 19/6/2002, cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 17/4/2015, cháu Bùi Mỹ H, sinh ngày 09/01/2007, các cháu hiện đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai cháu Bùi Mỹ H, Bùi Thị Bích T theo quy định pháp luật, do cháu M đã sắp đủ 18 tuổi nên không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị xác định tự thỏa thuận với anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn Lê Thị Kiều P có nơi trú tại ấp Cỏ Xước, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh B khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị P, yêu cầu chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh B là người khởi kiện, chị P là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự anh B là nguyên đơn, chị P là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh chị tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 01/7/2004 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị P và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly

hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn và mong muốn được hàn gắn quan hệ vợ chồng để cùng nhau chăm sóc con chung, chỉ xác định mâu thuẫn giữa các bên là không đến mức trầm trọng nên yêu cầu được hàn gắn quan hệ vợ chồng, tuy nhiên bị đơn không đưa ra được giải pháp để thuyết phục anh B đồng ý chấm dứt yêu cầu ly hôn và cùng sống chung với chị. Tại phiên tòa, anh B xác định, nếu cho các bên tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh B được ly hôn với anh chị P.

[3] Về con chung: Anh chị có ba người con chung cháu Bùi Thùy M, sinh ngày 19/6/2002, cháu Bùi Mỹ H, sinh ngày 09/01/2007 và cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 17/4/2015, các cháu hiện đang sống cùng chị P, anh chị thống nhất giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi người cũng như sự phù hợp cho sự phát triển của các cháu để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu. Chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu từ khi hai vợ chồng ly thân nhau cho đến nay, tòa án có ghi nhận ý kiến của cháu M và cháu H, các cháu có nguyện vọng được sống chung với chị P, do đó Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng các bên, sự phát triển của các cháu và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh B không trực tiếp nuôi con sẽ phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật hôn nhân gia đình, việc cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị P chỉ yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T và cháu H, không yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu M do cháu M sắp đủ tuổi trưởng thành có nhận thức bình thường. Về mức cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 2, mục III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức cấp dưỡng tối thiểu không dưới 1/2 mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xét xử đối với 01 người con, mức lương cơ sở hiện nay là 1.490.000 đồng, do đó anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu với số tiền 1.000.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi cháu T và cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 21/5/2020.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị xác định tự thỏa thuận với nhau và không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn B về việc yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Kiều P.

**2. Về con chung:** Giao con chung Bùi Thùy M, sinh ngày 19/6/2002, Bùi Mỹ H, sinh ngày 09/01/2007, Bùi Thị Bích T, sinh ngày 17/4/2015 cho Lê Thị Kiều P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

**3. Về cấp dưỡng:** Buộc anh Bùi Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Thị Bích T, sinh ngày 17/4/2015, Bùi Mỹ H, sinh ngày 09/01/2007 với số tiền 1.000.000 đồng/tháng đối với mỗi cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính kể từ ngày 21/5/2020.

Kể từ ngày chị Lê Thị Kiều P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Bùi Văn B không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

**4. Về án phí:** Anh Bùi Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, anh có nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003578 ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, anh B phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Án xử công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- Phòng NV-KT và THA
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện TVT;
- UBND xã Lợi An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Hợp**